

THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

TS. Nguyễn Trọng Minh
Trưởng ĐH Đồng Tháp

Từ năm 1988 đến nay, các tỉnh – thành Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) với đặc điểm riêng, nguồn FDI đã góp phần khơi được dòng chảy các nguồn tài nguyên kinh tế và góp phần làm chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa. Tuy nhiên, hoạt động thu hút FDI ở ĐBSCL tồn tại những hạn chế cơ bản, dẫn đến chưa thu hút được nguồn FDI lớn. Do đó, đã đến lúc các tỉnh ĐBSCL không chỉ hành động đơn lẻ, mà cần phải tập trung sức mạnh trong quy hoạch tổng thể trên cơ sở liên kết vùng, để có cơ hội cùng khai thác bền vững các nguồn tài nguyên kinh tế, xem yếu tố nông nghiệp đặc thù là sức mạnh, tập trung thu hút FDI vào lĩnh vực nông nghiệp để khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên kinh tế mang lợi thế so sánh quốc gia.

Từ khóa: Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), dự án.

Đặt vấn đề

Hơn 25 năm qua, tham gia vào diễn trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam, các tỉnh – thành ĐBSCL tổ chức nhiều hoạt động kinh tế đối ngoại và đạt nhiều kết quả có giá trị phát triển kinh tế và ổn định chính trị - xã hội. Trong đó, hoạt động thu hút FDI ở ĐBSCL phát triển với nét riêng, phù hợp với điều kiện lịch sử của vùng, góp phần khơi dòng chảy các nguồn tài nguyên kinh tế, góp phần làm chuyển dịch cơ cấu kinh tế của vùng. Tuy nhiên, thu hút FDI ở ĐBSCL còn tồn tại những hạn chế cơ bản cần phải khắc phục để tạo ra môi trường thu hút FDI thuận lợi hơn, sớm đưa kinh tế ĐBSCL hội nhập và phát triển bền vững.

Bài viết được phân tích trên cơ sở lí luận kinh tế học về kinh tế đối ngoại, sử dụng các công cụ thống kê, mô tả, phân tích, so sánh, quy nạp để phân tích các số liệu sự kiện về quá trình phát triển kinh tế cụ thể, từ đó tổng kết bức tranh thu hút FDI ở ĐBSCL ở thời kì đổi

mới (1988-2011), chỉ ra những hạn chế cơ bản làm ảnh hưởng đến tốc độ và quy mô thu hút nguồn FDI, trên cơ sở đó định hướng một số giải pháp thu hút và phát triển nguồn FDI có chất lượng vào ĐBSCL để đáp ứng phục vụ khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên kinh tế nông nghiệp, du lịch để sớm đưa ĐBSCL hội nhập kinh tế quốc tế.

Thực trạng về hoạt động thu hút FDI ở thời kì đổi mới

Từ năm 1988-2010, ĐBSCL đã thu hút 657 dự án với số vốn đăng ký 9.890,9 triệu USD và vốn thực hiện được gần 30%, bằng 4,8% tổng số dự án FDI so với cả nước, bằng 4,6% số vốn đăng ký trên cả nước, bằng 5% đầu tư xã hội của vùng và FDI vào vùng chủ yếu là theo hình thức đầu tư 100% vốn nước ngoài (Trần Nguyên, 2011).

Về tốc độ thu hút FDI, có hai mốc phát triển: giai đoạn 1988-2000 và 2001-2010, trong đó giai đoạn 2001-2010 có tốc độ tăng nhanh,

tăng bình quân từ 25-30%, trong bốn năm từ 2007-2010 có 12/13 tỉnh - thành thu hút được lượng FDI khá lớn, riêng năm 2011 ĐBSCL thu hút thêm 126 triệu USD (Phạm Hải, 2012). Xét trên từng địa phương thì tốc độ thu hút nguồn FDI phát triển không đồng đều, những tỉnh có điều kiện đầu tư thuận lợi có tốc độ thu hút FDI cao hơn (Long An, Tiền Giang, Thành phố Cần Thơ, Kiên Giang). Tuy số lượng dự án trong năm năm trở lại đây tăng nhanh, nhưng phần lớn các dự án có chất lượng chưa cao chủ yếu là sản xuất theo hướng thâm dụng lao động như công nghiệp chế biến và chế tạo, gia

Về lĩnh vực đầu tư, nguồn FDI đầu tư các lĩnh vực khác nhau, với cơ cấu khá đặc trưng. Trong đó, nguồn FDI đầu tư liên quan đến lĩnh vực sản xuất sản phẩm nông nghiệp và chế biến nông thủy sản chiếm tỷ trọng 25-30% số vốn, ngành công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng và công nghiệp gia công lắp ráp chiếm 55-60%, lĩnh vực đầu tư liên quan đến tài chính, bất động sản và dịch vụ du lịch giải trí chiếm 10-15%. Riêng đối với ngành du lịch, dự án đầu tư còn hạn chế về số lượng và quy mô đầu tư, chiếm tỷ lệ chưa tương xứng với nhu cầu khai thác tài năng kinh tế du lịch của vùng (Hình 1).

Bảng 1: Thu hút FDI của các tỉnh ở ĐBSCL (từ 01/01/2011 đến 15/12/2011)

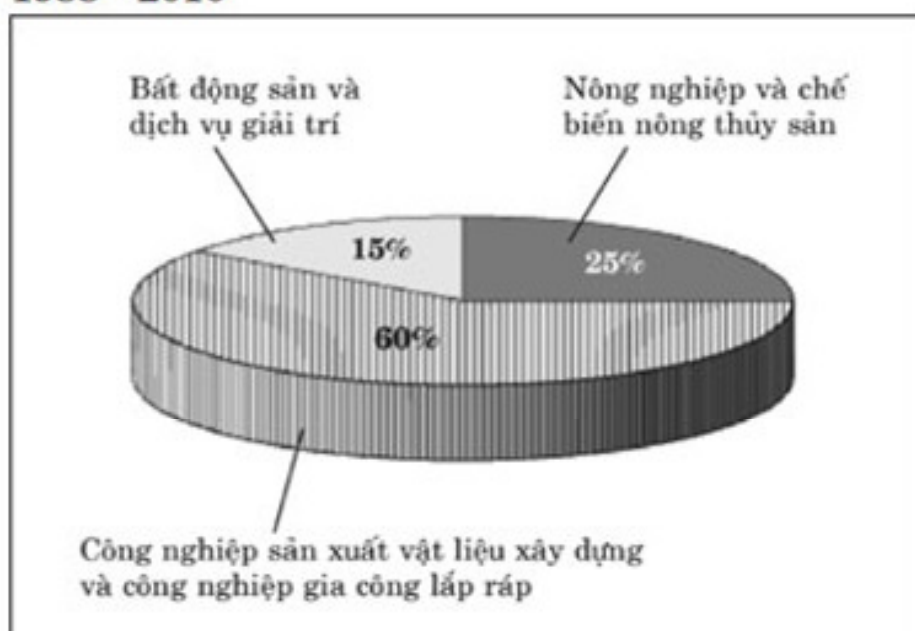
TT	Địa phương	Số dự án cấp mới	Vốn đăng ký cấp mới (triệu USD)	Số lượt dự án tăng vốn	Vốn đăng ký tăng thêm (triệu USD)	Vốn đăng ký cấp mới và tăng thêm (triệu USD)
1	Long An	60	114.80	6	15.40	130.20
2	Tiền Giang	2	2.75	2	4.00	6.75
3	Bến Tre	1	19.51	-	-	19.51
4	Trà Vinh	8	14.29	2	15.00	29.29
5	Vĩnh Long	-	-	-	-	-
6	Đồng Tháp	1	10.00	-	-	10.00
7	An Giang	4	37.92	-	-	37.92
8	Kiên Giang	6	25.99	1	208.01	234.00
9	Cần Thơ	7	143.46	1	-	143.46
10	Hậu Giang	1	20.00	2	14.00	34.00
11	Sóc Trăng	-	-	-	-	-
12	Bạc Liêu	5	13.08	-	-	13.08
13	Cà Mau	1	0.20	-	-	0.20

Nguồn: Cục Đầu tư Nước ngoài (2012)

công chủ yếu tập trung ở Long An (Bảng 1). Về quy mô, số vốn đăng ký bình quân 15 triệu USD/dự án, có quy mô đầu tư không đồng đều giữa các tỉnh, phần lớn các tỉnh có loại dự án dưới 5 triệu USD; một số ít tỉnh thu hút được dự án lớn từ 10-200 triệu USD (Nguyễn Trọng Minh, 2011).

Về hình thức đầu tư, so với thời kỳ trước 1996, đầu tư FDI đã có những chuyển biến mới, số dự án đầu tư thời kỳ từ 1996-2010 chủ yếu theo hình thức đầu tư 100% vốn nước ngoài, chiếm đến 90% tổng số dự án và số còn lại là hình thức liên doanh sản xuất.

Hình 1: Cơ cấu FDI đầu tư ở ĐBSCL giai đoạn 1988 - 2010



Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Cục Thống kê địa phương và Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội của Ủy ban Nhân dân các tỉnh ĐBSCL giai đoạn 1988 - 2010

Về không gian đầu tư, các dự án đầu tư vẫn được lựa chọn địa bàn theo hướng phụ thuộc nhiều vào các điều kiện địa lý, giao thông vận tải và nơi có thủ tục hải quan xuất nhập khẩu thuận lợi, cũng như nơi có đầu mối tập trung nguồn nguyên liệu sản xuất. Trong đó, dự án FDI đầu tư sản xuất công nghiệp phụ trợ và lắp ráp gia công tập trung ở tỉnh Long An, Cần Thơ; dự án sản xuất, chế biến nông sản phục vụ cho sản xuất nông nghiệp chủ yếu có mặt ở Tiền Giang, Cần Thơ, An Giang, Kiên Giang...

Về đối tác đầu tư, xét theo số dự án thì các nước và vùng lãnh thổ trong khu vực châu Á như Đài Loan, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản và ASEAN đầu tư chiếm 70% số dự án; xét theo số vốn thì British Virgin Islands là nhà đầu tư lớn nhất với 15 dự án, có số vốn đăng ký trên 3,3 tỷ USD (chủ yếu tại Kiên Giang) (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2011).

(Nguyễn Trọng Minh, 2011). Thiếu tính minh bạch trong các chính sách và các quy định liên quan đến đầu tư, thay đổi đột ngột, thường xuyên và còn nhập nhằng giữa các quy định liên quan đến hoạt động đầu tư (IBM Belgium và các tác giả, 2009).

- Trước năm 2008, thông tin kinh tế - xã hội địa phương về chính sách, tiềm năng và cơ hội thu hút đầu tư ít được địa phương thường xuyên cập nhật trên website, tuy nhiên đến nay một số tỉnh đã cải thiện được việc cung cấp thông tin và chính sách kinh tế của địa phương, nhưng thông tin vẫn chưa được như mong đợi.

- Kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hệ thống giao thông, vận tải cảng, kho bãi lưu chuyển hàng hóa (warehouses), hệ thống cung cấp năng lượng phục vụ sản xuất còn yếu kém, xây dựng

Bảng 2: Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài năm theo vùng (từ 01/01/2011 đến 15/12/2011)

TT	Địa phương	Số dự án cấp mới	Vốn đăng ký cấp mới (triệu USD)	Số lượt dự án tăng vốn	Vốn đăng ký tăng thêm (triệu USD)	Vốn đăng ký cấp mới và tăng thêm (triệu USD)
	Cả nước	1088	11,491.56	374	3,137.39	14,628.95
1	Bến Tre	1	19.51	-	-	19.51
	Đồng bằng sông Hồng	407	4,858.98	110	1,099.55	5,958.53
2	Trung du và miền núi phía Bắc	37	383.00	9	38.15	421.14
3	Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung	87	1,010.85	12	308.52	1,319.37
4	Tây Nguyên	7	6.14	3	6.80	12.94
5	Đông Nam Bộ	454	4,830.60	226	1,427.96	6,258.56
6	ĐBSCL	96	401.99	14	256.41	658.41

Nguồn: Cục Đầu tư Nước ngoài (2012)

Năm 2011, so với các vùng kinh tế khác trên cả nước (Bảng 2) FDI thu hút vào ĐBSCL còn quá nhỏ: bằng 8,8% số dự án FDI của cả nước và 21% số vốn của Đông Nam Bộ và 23% số vốn của Đồng bằng sông Hồng.

Thực trạng thu hút FDI của ĐBSCL cho thấy những hạn chế cơ bản sau:

- Nghiên cứu tại các cơ quan quản lý đầu tư FDI ở ĐBSCL cho thấy phần lớn chưa ban hành quy chế quản lý FDI trên địa bàn

thiếu đồng bộ trên toàn vùng, làm nhiều nhà đầu tư nước ngoài chưa hài lòng, nhiều dự án xin rút vốn và chấm dứt hoạt động.

- Đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý và xúc tiến đầu tư, đa số chưa được đào tạo chuyên môn theo hướng hội nhập, kỹ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ hạn chế, chưa được tập huấn thường xuyên dẫn đến hiện tượng thụ động và “đơn giản hóa” trong tuyên truyền vận động xúc tiến đầu tư, hình thức xúc tiến đầu tư chưa đa dạng, chưa chú ý đến từng dự án cụ thể,

từng lĩnh vực cụ thể, từng lĩnh vực có tiềm năng, từng đối tác tiềm năng, chưa gắn chặt đầu tư với xúc tiến thương mại, với xúc tiến đầu tư.

- Nguồn lao động có thể tham gia sản xuất trong dự án FDI có nhưng “không mạnh”, thiếu chất lượng, đa số là lao động không lành nghề, thiếu lao động có kỹ năng nghề có hàm lượng công nghệ cao. Có thể nói, đây là một trong những hạn chế có tính chất kinh tế - xã hội lớn nhất ở ĐBSCL, làm cản trở hoạt động sản xuất và làm nản lòng nhà đầu tư khi bắt đầu thực hiện ý định đầu tư tại ĐBSCL.

- Việc chuẩn bị mặt bằng, địa điểm xây dựng cho các dự án FDI gặp nhiều khó khăn do quỹ đất công của từng địa phương còn rất ít, hệ thống hạ tầng kinh tế - kỹ thuật tại khu - cụm công nghiệp thiếu đồng bộ, rời rạc và liên mạng giao thông phát triển chậm.

- ĐBSCL thiếu quy hoạch tổng thể vùng để thu hút FDI theo chiều sâu, thiếu quy hoạch phát triển các cụm sản xuất công nghiệp mũi nhọn liên quan đến kinh tế nông nghiệp. Mặt khác, vùng đang xuất hiện tình trạng cạnh tranh cục bộ giữa các tỉnh trong kêu gọi và thu hút FDI...

Một số định hướng và giải pháp thu hút FDI ở ĐBSCL

Một số định hướng

- Các tỉnh ĐBSCL liên kết xây dựng cơ chế - chính sách thu hút FDI trên toàn vùng theo hướng quốc tế và minh bạch hóa chính sách, chủ động cải cách hành chính, đặc biệt quan tâm đến hoạt động cấp phép và thẩm định dự án.

- Thay đổi tư duy quy hoạch phát triển khu công nghiệp cục bộ, chuyển sang phát triển hệ thống, cụm sản xuất công nghiệp quy mô (cluster), cách làm này sẽ giải quyết sự lãng phí trong đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật,

tăng khả năng kiểm soát môi sinh, hạn chế được tính cục bộ và tiết kiệm quỹ đất phục vụ sản xuất nông nghiệp. Hiện nay, các tỉnh ĐBSCL đã có xu hướng mở nhiều khu công nghiệp và muốn phát triển với quy mô bằng tỉnh bạn về kết cấu hạ tầng, cách làm này đã và đang làm lãng phí tài nguyên quốc gia vì gần như các khu công nghiệp vẫn chưa thu hút được các dự án vào đầu tư sản xuất...

- Quan tâm đầu tư cải thiện năng lực hậu cần ở ĐBSCL, trong đó chú ý đến việc tạo điều kiện thuận lợi để phát triển thương mại, hệ thống kết cấu hạ tầng, vận tải quốc tế, dịch vụ kho vận, đảm bảo thời gian cấp phép...

- Đa dạng hóa các lĩnh vực thu hút FDI, hướng và tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư vào lĩnh vực sản xuất nông lâm ngư nghiệp, dịch vụ liên quan đến phát triển xã hội như dịch vụ du lịch, giáo dục - đào tạo nghề và dịch vụ thương mại theo hướng phát triển hệ thống logistics (phát triển chuỗi sản xuất - vận tải - kho cảng - phân phối và bán lẻ) để phát triển bền vững nền sản xuất và chế biến nông - thủy sản của vùng.

- Tập trung xây dựng chiến lược thu hút FDI trên cơ sở quy hoạch tổng thể quỹ đất chung của ĐBSCL dành cho xây dựng các cụm ngành công nghiệp chế biến nông thủy - sản để đảm bảo đầu ra cho các vùng nguyên liệu chuyên canh nhằm khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên nông nghiệp, thủy sản đặc thù vùng (Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, 2010).

Một số giải pháp

Cần phát huy những kinh nghiệm có sẵn: (i) Tiếp tục phát huy các chiến lược thu hút các nguồn đầu tư tại các địa phương, tiếp tục tạo những điều kiện về pháp lý để cải thiện môi trường đầu tư nhằm phát huy tính tích cực của các dự án FDI cho sản xuất và kinh doanh chế biến nông thủy sản, giúp người dân phát triển các vùng sản xuất nông sản hàng hóa chuyên

canh; (ii) Phát huy tính tích cực của cơ chế “liên thông, một cửa”, vì cơ chế này sẽ làm đổi mới cơ chế quản lý, giải quyết các thủ tục nhanh chóng, đảm bảo tập trung thống nhất đầu mối trong quản lý, tạo lòng tin cho nhà đầu tư; (iii) Đối với từng tỉnh - thành, phát huy quyền phân cấp trong việc cấp giấy chứng nhận đầu tư cũng như quản lý hoạt động đầu tư và chính quyền xây dựng một chiến lược kêu gọi đầu tư hợp lý, dựa trên lợi thế so sánh địa phương mình với những danh mục ưu tiên đầu tư và các chính sách minh bạch, phát động chiến dịch quảng bá ra quốc tế bằng các kênh truyền thông hiện đại mang tính quốc tế.

Đẩy mạnh việc thực hiện cơ chế quản lý nhà nước hoạt động thu hút FDI theo hướng quốc tế hóa: (i) Xây dựng quy chế quản lý các dự án có nguồn quốc tế ở địa phương theo hướng quốc tế hóa; (ii) Vận động toàn hệ thống chính trị của địa phương quan tâm đến phát triển kinh tế hội nhập. Trong đó, đặc biệt cần chú trọng đến chính sách phát triển nguồn cán bộ làm công tác xúc tiến đầu tư và thương mại; (iii) Thiết lập quan hệ chặt chẽ với các tổ chức quốc tế liên quan đến hoạt động phát triển cộng đồng để từng bước tranh thủ các nguồn viện trợ phát triển, giúp địa phương rút ngắn khoảng cách về chênh lệch xã hội. Tăng cường giao lưu gặp gỡ và hợp tác xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại - du lịch với các tổ chức quốc tế như JICA, JETRO của Nhật Bản, tổ chức hợp tác kỹ thuật GTZ của Đức, KOTRA của Hàn Quốc, CETTRA của Đài Loan; (iv) Xây dựng thái độ ứng xử mới, xuất phát từ quan điểm xem mục tiêu “nắm bắt thời cơ hội nhập quốc tế” là “chìa khóa” để phát triển kinh tế, chính quyền địa phương ĐBSCL cần đổi mới tư duy ứng xử hành chính, nhanh chóng cải cách các thủ tục hành chính. Đặc biệt đối với đội ngũ nhân viên phục vụ trong hoạt động hành chính, tổ chức hoạt động kinh tế đối ngoại cần được đào tạo phù hợp với nhu cầu hội nhập kinh tế, với các điểm nhấn là khoa học - ứng dụng, tư duy hội nhập, kỹ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ.

Đào tạo - xây dựng nguồn nhân lực chuyên nghiệp phục vụ hoạt động kinh tế đối ngoại theo hướng quốc tế hóa: (i) Về quan điểm phát triển nguồn nhân lực, chính quyền các địa phương cần phải xem “đào tạo nguồn lực cho các doanh nghiệp FDI cũng là đào tạo nguồn lực cho ta”, vì thực tế đã chứng minh hoạt động sản xuất của dự án FDI - ngoại lực sẽ kích thích nội lực - nền sản xuất nội địa phát triển. Trong đó tập trung phát triển đội ngũ công nhân có tay nghề - kỹ năng. Chính quyền cần đẩy nhanh xúc tiến và mời gọi các nhà đầu tư nước ngoài có thể mạnh về đào tạo và phát triển nghề nghiệp phục vụ cho các khu công nghiệp đầu tư đào tạo nghề tại ĐBSCL theo mô hình liên kết đào tạo Việt Nam - Singapore để cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cho các nhà máy chế biến sản xuất và nông sản...; (ii) Toàn ĐBSCL cần tập trung phát triển đội ngũ cán bộ làm công tác tư vấn, thu hút và sử dụng các nguồn đầu tư; (iii) Phát triển đội ngũ làm công tác ngoại thương (quản lý nhà nước, doanh nhân, cán bộ hải quan, kiểm dịch quốc tế...); (iv) Phát triển nguồn nhân lực phục vụ các hoạt động dịch vụ có thu ngoại tệ như du lịch quốc tế, tài chính, vận tải có kỹ năng, có chuyên môn và có thái độ ứng xử phù hợp với yêu cầu hội nhập.

Kết luận

Tóm lại, từ thực trạng thu hút FDI ở ĐBSCL trong thời kỳ đổi mới, chúng ta thấy còn nhiều hạn chế cơ bản tác động đến khả năng và chất lượng thu hút FDI. Đã đến lúc các tỉnh ĐBSCL không chỉ hành động đơn lẻ, mà cần phải tập trung sức mạnh trong quy hoạch tổng thể trên cơ sở liên kết vùng, để có cơ hội cùng khai thác bền vững nguồn tài nguyên kinh tế và cần xem yếu tố nông nghiệp đặc thù là sức mạnh, là trung tâm của chiến lược thu hút FDI. Mặt khác để ĐBSCL có thể nắm bắt cơ hội và hiện thực hóa kế hoạch thu hút FDI của mình, Chính phủ cần quan tâm, tạo điều kiện xây dựng cơ chế đặc thù vùng và ĐBSCL cần tập trung quan tâm xây dựng chính

sách thu hút nguồn FDI vào lĩnh vực dịch vụ nông nghiệp và chế biến nông sản để khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên kinh tế nông nghiệp mang lợi thế so sánh, để nông dân có cơ hội chuyển tải những giá trị lao động của mình ra thị trường thế giới và tạo bước vững chắc cho nền nông nghiệp Việt Nam phát triển bền vững■

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2011). Báo cáo Báo cáo tổng hợp đầu tư (ODA, FDI) vùng ĐBSCL giai đoạn 2006-2010 và phương hướng 2011-2015. www.mdec.vn/index.php?option=com_content&view=article&id=1507:bao-cao-tong-hop-dau-tu-oda-fdi-vung-dong-bang-song-cuu-long-giai-doan-2006-2010-va-phuong-huong-2011-2015-cua-bo-ke-hoach-va-dau-tu-&catid=131:tulieu&Itemid=239.
2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (2010). Công nghiệp chế biến sẽ là đòn bẩy phát triển kinh tế vùng ĐBSCL. www.agroviet.gov.vn/Pages/news_detail.aspx?NewsId=14357.
3. Cục Đầu tư Nước ngoài (2012). Tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài 12 tháng năm 2011. <http://fia.mpi.gov.vn/News.aspx?ctl=newsdetail&aID=1128>.
4. IBM Belgium kết hợp với DMI, Ticon & TAC (2009). Hợp đồng khung năm 2007 Gói số 5 – Dự án 2007/146105: Hội nhập kinh tế và sự phát triển ở Việt Nam - Báo cáo cuối cùng (tháng 12/2009).
5. Nguyễn Trọng Minh (2011). Kinh tế đối ngoại ĐBSCL thời kỳ đổi mới – Kinh nghiệm và triển vọng. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia – Sự thật.
6. Phạm Hải (2012). ĐBSCL thêm 126 triệu USD vốn đầu tư nước ngoài. <http://mgov.vn/news/2012/2/6/12796-dong-bang-song-cuu-long-them-126-trieu-usd-von-dau-tu-nuoc-ngoai.html>.
7. Trần Nguyên (2011). Diễn đàn Hợp tác kinh tế ĐBSCL - MDEC Cà Mau 2011: Liên kết để tạo nên sức mạnh tổng thể và toàn diện. http://www.baoanhdattmui.vn/vcms/html/news_detail.php?nid=14835